TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 95/2023/QĐST-HNGĐ	*Lạc Sơn, ngày 09 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Dịu, sinh năm 1989. Địa chỉ: xóm Láo Thành, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Tiển, sinh năm 1989. Địa chỉ: xóm Láo Thành, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Dịu và anh Bùi văn Tiển như sau:

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Dịu và anh Bùi văn Tiển thuận tình ly hôn;

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị Bùi Thị Dịu và anh Bùi văn Tiển có có có 02 con chung là cháu Bùi Quý Tài, sinh ngày 28/02/2013 và cháu Bùi Thiên Bình, sinh ngày 30/3/2018. Vợ chồng ly hôn, hai bên thỏa thuận

anh Bùi Văn Tiển được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Chị Bùi Thị Dịu tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 500.000đ/01 con chung/tháng cho đến khi con chung 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con thực hiện từ tháng 11/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Bùi Văn Tiển mà chị Bùi Thị Dịu không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng chị Bùi Thị Dịu phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: Chị Bùi Thị Dịu tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Bùi Thị Dịu đã nộp theo biên lai số 0002129 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Chị Bùi Thị Dịu đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Ân Nghĩa (Theo đăng ký kết hôn số 59 ngày 03/10/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Hoa

196

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Dịu và anh Bùi văn Tiển như sau:

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Dịu và anh Bùi văn Tiển thuận tình ly hôn;

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị Bùi Thị Dịu và anh Bùi văn Tiển có có có 02 con chung là cháu Bùi Quý Tài, sinh ngày 28/02/2013 và cháu Bùi Thiên Bình, sinh ngày 30/3/2018. Vợ chồng ly hôn, hai bên thỏa thuận anh Bùi Văn Tiển được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Chị Bùi Thị Dịu tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 500.000đ/01 con chung/tháng cho đến khi con chung 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con thực hiện từ tháng 11/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Bùi Văn Tiển mà chị Bùi Thị Dịu không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng chị Bùi Thị Dịu phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: Chị Bùi Thị Dịu tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Bùi Thị Dịu đã nộp theo biên lai số 0002129 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Chị Bùi Thị Dịu đã nộp đủ án phí.

Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN……[(1)]	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:……/……/QĐST-HNGĐ	
	…., ngày…… tháng …… năm …….

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm....., giữa[(2)]:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…..tháng……năm …..

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…. tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa [(3)] .....
.....
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[(4)] .....
.....
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:	**THẨM PHÁN**
- Đương sự;	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;	

- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).